

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**ĐỘ TUỔI 19 - 24 THÁNG TUỔI**

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong tháng	Điều chỉnh bổ sung
	Mục tiêu			
<b>I. Lĩnh vực phát triển thể chất</b>				
1	- Trẻ có khả năng biết bắt chước một số động tác theo cô: Giơ tay lên cao - đưa về phía trước - sang ngang.	- Hô hấp: + Tập hít thở. + Thổi Bóng + Thổi nơ - Tay: + 2 tay giơ cao, hạ xuống + 2 tay đưa phía trước, hạ xuống + 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống + 2 tay đưa ra sau, hạ xuống - Lung, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, đứng thẳng người lên + Nghiêng người sang 2 bên - Chân: + Dạng sang 2 bên + Ngồi xuống, đứng lên	9->5	
2	- Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8-2 m	- Tập đi, chạy: + Đi theo hướng thẳng + Đi trong đường hẹp + Đi bước qua vật cản. + Đi theo hiệu lệnh + Đi bước qua gậy + Đi bước qua dây	9 10, 1,4 12,1,2,4, 11,12 2 3	

		+ Đi có mang vật trên tay + Tập bước lên, xuống bậc thang + Bước lên xuống bậc có vịn	10,11 5 4	
3	- Trẻ có khả năng thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Biết lăn - bắt bóng với cô	- Ngồi lăn bóng: + Lăn bóng với cô + Lăn bóng qua cổng	11,1 1,2	
4	- Trẻ có khả năng phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	- Tập bò, trườn: + Trườn về phía trước + Bò về phía trước + Bò về phía trước có mang vật trên lưng + Bò, trườn đến vật chuẩn + Bò chui dưới dây + Bò chui dưới gậy kê cao + Bò chui qua cổng	11 9,10 11,12 4 12,1 1,2, 3	
5	- Trẻ có khả năng thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2 m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5 m.	- Tập tung, ném: + Ném bóng bằng 1 tay + Ném bóng qua dây + Đứng ném bóng vào đích nằm ngang + Đá bóng lăn xa lên trước 1,5m. + Đứng tung bóng + Tung bóng qua dây + Đá bóng	9, 10,3 3 5 9 12,4 5	
6	- Trẻ có thể nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.	9 ->5 10, 11, 12 2	
7	- Trẻ có khả năng biết tháo lắp, lồng được 3-	- Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông.	9, 10 12, 1, 3	

	4 hộp tròn	- Đóng mở nắp có ren.		
8	- Trẻ có khả năng biết xếp chồng được 2- 3 khối trụ	- Xếp chồng 4 - 5 khối.	11, 12, 5	
9	- Trẻ có khả năng biết thích nghi với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.	9, 10, 11	
10	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Làm quen chế độ ngủ 1 giấc.	9, 10, 11	
11	- Trẻ biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh	- Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.	11, 12 12, 1	
12	- Trẻ có thể làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. - Làm quen với rửa tay, lau mặt.	10, 11, 12 9 11, 12 9, 10, 11 9, 10, 11, 12	
13	- Trẻ có khả năng biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm (phích nước nóng, cơm canh nóng, bếp đang đun, dao kéo...), những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần ( ao hồ, sông , suối...)	9, 11, 12, 4	

14	- Trẻ có khả năng biết tránh một số hành động nguy hiểm (Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm (Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) và phòng tránh.	10, 12, 3,5	
<b>I. Lĩnh vực phát triển nhận thức</b>				
15	- Trẻ có khả năng biết sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh - Ném vạ 1 số loại quả, thức ăn - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh - Ngửi mùi của 1 số hoa, quả quen thuộc, gần gũi.	11 3, 5 2 11 1, 2	
16	- Trẻ có khả năng biết bắt chước hành động đơn giản của những người thân	- Hình ảnh của bản thân trong gương.	11	
17	- Trẻ có khả năng biết chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên của bản thân - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp.	9, 11 10, 12	
18	- Trẻ có khả năng biết chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận trên cơ thể của người khi được hỏi.	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	9	
19	- Trẻ có khả năng biết chỉ / lấy / nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa	- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ chơi, đồ dùng của bản	11, 12	

	quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	thân. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc. - Tên của phương tiện giao thông gần gũi.	2, 3, 4  4, 5	
20	- Trẻ biết chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	- Màu đỏ, xanh, vàng. - Kích thước to - nhỏ.	11, 2 2	
<b>III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ</b>				
21	- Trẻ có khả năng thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay....	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	11, 12, 3  12	
22	- Trẻ có khả năng hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “không được lấy!”, “không được sờ!”...	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	10	
23	- Trẻ biết trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”, “con gì đây?”, “cái gì đây?”...	- Nghe các câu hỏi: “ Ở đâu?”; “Con gì?”; “... thế nào?” (“Gà gáy thế nào?”); “Cái gì?”; “Làm gì?”. - Trả lời và đặt câu hỏi: “con gì?”; “Cái gì?”; “Làm gì?”.	9,10,2, 3, 4  2, 4	
24	- Trẻ có thể nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...	- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong	11, 12, 2, 3  11,1, 2, 3	

		tranh.		
25	- Trẻ có thể biết đọc tiếp được tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ. - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	9, 10, 1, 2, 3, 4 9->5	
26	- Trẻ có thể nói được câu đơn 2-3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm...	- Phát âm các âm khác nhau.	9->5	
27	- Trẻ có thể biết chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...)	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	11,12,4,5	
<b>IV. Lĩnh vực phát triển TCKNXH và thẩm mỹ</b>				
28	- Trẻ có khả năng biết nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân.	11	
29	- Trẻ có thể biết biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	- Giao tiếp với cô và bạn.	12,3,4	
30	- Trẻ có thể cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.	12,1,2	
31	- Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi	- Quan tâm đến các vật nuôi	2,3	

	yêu thích và quan sát một số con vật.			
32	- Trẻ có khả năng biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.	9,10,11,12	
33	- Trẻ có khả năng biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	9->5	
34	- Trẻ có thể biết làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của người lớn.	1,2,3	
35	- Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...).	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	9, 10, 11, 12, 1, 10,12,1,2,4,5	
36	- Trẻ thích vẽ, thích xem tranh.	- Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh.	9-> 5	

NGƯỜI XD KẾ HOẠCH

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

(Ký tên và đóng dấu)

Nông Thị Hạnh

Phạm Thị Hà